

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21-2022/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2022
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I)*

Hà Nội, tháng 05 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	6
ĐIỀU 2. Giải thích thuật ngữ	6
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	8
Điều 1. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	8
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	8
Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông	8
Điều 3. Trách nhiệm của cổ đông lớn	9
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	10
Điều 5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	11
Điều 6. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	12
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 7. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	13
Điều 8. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	13
Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	14
Điều 10. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	15
Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	15
Điều 12. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	16
Điều 13. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị	17
Điều 15 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	18
Điều 16. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ...	18
Điều 17. Người phụ trách quản trị Công ty.....	19
Điều 18. Ban Trợ lý.....	19
CHƯƠNG VI: ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	20
Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	20
Điều 20. Thành phần của Ủy ban kiểm toán	20
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán	21
Điều 22. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	23
Điều 23. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	23
Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán (Kiểm soát viên)	
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH.....	23
Điều 25. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành	23
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc.....	24
CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TRA VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	24

Điều 27. Nguyên tắc phối hợp	24
Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành	25
Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm tra	25
Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Ban điều hành.....	26
CHƯƠNG IX: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG	
QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	26
Điều 31. Đánh giá hoạt động.....	26
Điều 32. Khen thưởng	27
Điều 33. Xử lý vi phạm và kỷ luật	27
CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	27
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	27
Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc	28
Điều 36. Giao dịch với người có liên quan	28
Điều 37. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.....	28
CHƯƠNG XI: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	29
Điều 38. Nghĩa vụ công bố thông tin	29
Điều 39. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty.....	29
Điều 40. Công bố thông tin về quản trị công ty	29
Điều 41. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc	29
Điều 42. Tổ chức công bố thông tin.....	29
CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	30
Điều 43. Sửa đổi bổ sung	30
Điều 44. Ngày hiệu lực	30
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI	
ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	31
Điều 2. Đối tượng áp dụng	32
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 8. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 9. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	35

Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	36
PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	40
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	40
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	41
Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	43
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	44
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	44
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	44
Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên.....	45
Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường.....	45
Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	45
Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	46
Điều 7. Cách thức biểu quyết.....	46
Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	47
Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	47
Điều 10. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.....	48
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	49
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	49
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	49
Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành công ty.....	49
Điều 4. Bỏ nhiệm Người điều hành công ty.....	50
Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành công ty.....	50
Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành công ty.....	50
Điều 7. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty.....	50
PHỤ LỤC SỐ 05: QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG I.....	51
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.....	51
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	51
Điều 3. Thông báo triệu tập đại hội đồng cổ đông.....	52
Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.....	52
Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử.....	52

Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến.....	52
Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến.	53
Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử.	53
Điều 9. Cách thực bỏ phiếu điện tử.....	53
Điều 10. Các thức kiểm phiếu.	54
Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu.	54
Điều 12. Các thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ.	54
Điều 13. Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến và hình thức thông qua.	55
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử.	55
Điều 15. Thảo luận tại ĐHĐCĐ trực tuyến.	55
Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng	56
Điều 17. Điều khoản khác	56
Điều 18. Hiệu lực thi hành.	56

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CĂN CỨ

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Nghị quyết số 21-2022 /NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông, theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Quản trị Công ty là hệ thống các nguyên tắc bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

b. “Công ty” là Công ty cổ phần Thuộc Thú y Trung ương I;

c. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

d. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

d. “Người điều hành Công ty” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

e. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và Khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

ĐIỀU 3. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (*Phụ lục 1 và phụ lục 5 đính kèm*);

+ Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (*Phụ lục 2 đính kèm*);

+ Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (*Phụ lục 3 đính kèm*);

+ Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty (*Phụ lục 4 đính kèm*);

Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc;

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác.

Ngoài ra, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 1. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

4. Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 12 Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần

ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong Công ty.

f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 3. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;
- e. Cách thức kiểm phiếu;
- f. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
- j. Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Quy chế này. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- d) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- d) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;
5. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty cổ phần Thuộc Thú y Trung ương Iông ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông;
- h) [Các nội dung khác (nếu có)].

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 (ba) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.
Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 8. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) Công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

d) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thẩm quyền quyết định các giao dịch của Công ty:

a. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

b. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

c. Hội đồng quản trị thông qua việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.